

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN
Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam
Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2010

Kết thúc vào ngày 30/06/2010

*Điều chỉnh đổi mã chỉ tiêu Quỹ khen thưởng, phúc lợi
"Mã số 431 thành mã số 353" trên Bảng cân đối kế toán
theo điều 24 thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009*

NỘI DUNG

- | | |
|--|------------|
| 1 - Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010 | : 03 trang |
| 2 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II năm 2010 | : 01 trang |
| 3 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II năm 2010 | : 01 trang |
| 4 - Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2010 | : 12 trang |

Tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Từ ngày 01/04/2010 đến ngày 30/06/2010

Mẫu số: **B 01 - DN**
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày
20/03/2006 của trường BTC)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2010)	Số đầu kỳ (31/03/2010)
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		47 263 078 133	43 625 155 803
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1 988 776 113	1 672 688 114
1. Tiền	111	V.01	1 988 776 113	1 672 688 114
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	11A		177 832 846	153 663 918
- Tiền gửi Ngân hàng	11B		1 810 943 267	1 519 024 196
- Tiền đang chuyển	11C			
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35 311 268 145	32 924 141 957
1. Phải thu của khách hàng	131		36 970 763 464	34 403 632 035
2. Trả trước cho người bán	132		59 030 073	241 080 837
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	273 197 069	271 151 546
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-1 991 722 461	-1 991 722 461
IV. Hàng tồn kho	140		5 882 928 483	5 560 945 992
1. Hàng tồn kho	141	V.04	5 882 928 483	5 560 945 992
- Hàng mua đang đi trên đường	148			26 355 000
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		2 263 009 763	2 481 435 278
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143			
- Chi phí SXKD dở dang	144		534 504 117	534 504 117
- Hàng gửi đi bán	147		3 085 414 603	2 518 651 597
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4 080 105 392	3 467 379 740
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2 216 163 803	1 448 477 082
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		68 810 642	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1 795 130 947	2 018 902 658
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		28 146 081 765	30 413 725 569
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		20 345 415 105	20 633 958 909
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	14 807 590 914	14 880 884 370
- Nguyên giá	222		24 304 662 031	23 703 662 031
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-9 497 071 117	-8 822 777 661
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09	3 166 645 152	3 368 867 043

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2010)	Số đầu kỳ (31/03/2010)
1	2	3	4	5
- Nguyên giá	225		4 783 009 781	4 783 009 781
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-1 616 364 629	-1 414 142 738
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	2 371 179 039	2 384 207 496
- Nguyên giá	228		2 605 691 260	2 605 691 260
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		- 234 512 221	- 221 483 764
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7 117 750 000	9 096 850 000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7 117 750 000	9 096 850 000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác (260=261+262+268)	260		682 916 660	682 916 660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		682 916 660	682 916 660
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		75 409 159 898	74 038 881 372
Nguồn vốn				
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		41 827 449 865	40 420 239 194
I. Nợ ngắn hạn (310=311+312+313+314+315+316+317+318+319+320)	310		38 945 307 365	37 538 096 694
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	23 065 843 931	20 237 770 829
- Vay ngắn hạn			21 603 798 013	18 105 384 287
- Nợ dài hạn đến hạn trả			1 462 045 918	2 132 386 542
2. Phải trả cho người bán	312		13 400 235 773	14 121 349 878
3. Người mua trả tiền trước	313		1 456 032 362	1 720 892 133
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	191 341 845	553 342 991
5. Phải trả người lao động	315		295 659 050	303 076 914
6. Chi phí phải trả	316	V.17		58 182 914
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	941 223 822	1 017 244 552
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		- 405 029 418	- 473 763 517
II. Nợ dài hạn (330=331+332+333+334+335+336+337)	330		2 882 142 500	2 882 142 500
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	2 882 142 500	2 882 142 500
- Vay dài hạn	327		537 616 641	537 616 641
- Nợ dài hạn	328		2 344 525 859	2 344 525 859
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		33 581 710 033	33 618 642 178
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	33 581 710 033	33 618 642 178
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27 482 700 000	27 482 700 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2010)	Số đầu kỳ (31/03/2010)
1	2	3	4	5
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2 119 678 737	2 027 762 786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1 180 457 450	1 134 499 474
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2 798 873 846	2 973 679 918
- Lãi chưa phân phối	41A		2 798 873 846	2 973 679 918
- Lãi lỗ chưa kết chuyển trong kỳ	41B			
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	41B			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	42A			
- Chi sự nghiệp	42B			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (430=300+400)	440		75 409 159 898	74 038 881 372

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ Tiêu				
1. Tài sản thuê ngoài	N01	V.24		
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	N02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	N03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	N04			
5. Ngoại tệ các loại	N05			
6. Hạn mức kinh phí còn lại	N06			
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản	N09			

Ngày 24 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày: 01/04/2010 đến ngày: 30/06/2010

Mẫu số: **B 02 - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của trưởng BTC)

Mã	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý II/2010	Lũy kế	Quý II/2009	Lũy kế
1	2	3	5	6 = 4+5	7	8
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	24,121,953,770	50 805 678 339	31 264 889 200	137 267 410 658
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)		24,121,953,770	50 805 678 339	31,264,889,200	137 267 410 658
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.27	24,683,185,822	48 453 428 055	28 493 699 723	123 788 647 609
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		-561,232,052	2 352 250 284	2,771,189,477	13 478 763 049
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	2,316,508,724	2 343 988 338	8 726 300	145 622 846
22	7. Chi phí tài chính	VI.28	820,581,407	1 512 283 221	560 430 413	2 314 731 235
24	8. Chi phí bán hàng		149,670,400	297 238 227	377 919 715	960 032 841
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		920,040,708	1 993 144 414	888 831 941	5 751 294 365
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]		-135,015,843	893 572 760	952,733,708	4 598 327 454
31	11. Thu nhập khác		316,908,897	419 809 397	53 537 596	671 214 957
32	12. Chi phí khác		47,923,335	91 557 826	2 000 000	400 707 579
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		268,985,562	328 251 571	51,537,596	270 507 378
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)		133,969,719	1 221 824 331	1,004,271,304	4 868 834 832
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.30	13,015,104	123 366 738	103 105 391	333 374 936
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.30				
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60 = 50 - 51-52)		120,954,615	1 098 457 593	901,165,913	4 535 459 896
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)		44	400	328	1 650

Ngày 24 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày: 01/04/2010 đến ngày: 30/06/2010

Mẫu số: **B 03 - DN**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày
20/03/2006 của trường BTC)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm này		
			Quý II/2010	Cộng lũy kế	Cộng lũy kế
1	2	3	5	6= 4+5	8
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và các doanh thu khác	01		23 574 512 355	55 042 854 297	137 512 060 492
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-6 736 558 837	-14 699 911 395	-129 337 880 815
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-1 387 973 847	-3 373 462 665	-6 782 417 220
4. Tiền chi trả lãi vay	04		- 820 581 407	-1 512 283 221	-2 457 832 990
5. Tiền chi nộp thuế và các khoản khác cho nhà nước	05		- 493 643 920	- 592 617 978	- 505 441 224
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1 476 646 329	2 452 933 978	6 375 380 733
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-1 738 632 491	-4 983 006 070	-6 308 437 067
	20		13 873 768 182	32 334 506 946	-1 504 568 091
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		300	37 642 800	- 13 155 133
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23				
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24				
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			-1 942 850 000	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1 979 100 000	2 707 100 000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2 316 508 724	2 343 988 338	32 730 460
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4 295 609 024	3 145 881 138	19 575 327
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3 677 391 120	3 677 391 120	74 582 799 411
4. Tiền chi trả nợ trả nợ gốc vay	34		-21 530 680 327	-40 263 894 246	-69 724 629 875
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			- 239 896 000	- 797 329 374
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36				-1 374 135 000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-17 853 289 207	-36 826 399 126	2 686 705 162
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		316 087 999	-1 346 011 042	1 201 712 398
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1 672 688 114	3 334 787 155	2 133 074 757
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61				
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	31	1 988 776 113	1 988 776 113	3 334 787 155

Ngày 24 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên đóng dấu)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ tháng 04 đến tháng 06 năm 2010

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An được thành lập theo biên bản thỏa thuận số 01/05/BB-HHLA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1100682291 ngày 14/9/05 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 12/01/2010 do phòng kinh doanh Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Long An cấp.

2- Lĩnh vực kinh doanh Sản xuất kinh doanh

3- Ngành nghề kinh doanh Xây dựng, xây lắp, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, thi công trang trí nội ngoại thất công trình giao thông thuỷ lợi, cấp thoát nước, Xử lý môi trường, Giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản, Kinh doanh bất động sản Cung cấp , lắp đặt đường dây trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ điện lạnh, Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng đường bộ, đường thuỷ. Cho thuê thiết bị máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Sản xuất phân bón. Sản xuất hoá chất (Trừ hoá chất có tính độc hại mạnh). mua bán trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao, vật tư hàng hoá. Mua bán máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ phụ tùng. Sản xuất, kinh doanh thiết bị xây dựng, kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí.

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không thay đổi nào làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính quý II năm 2010.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán Việt nam đồng (VND)

III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà Nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành áp dụng.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung được thực hiện trên phần mềm máy vi tính

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

-Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

-Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu và chi phí tài chính trong kỳ

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng hóa tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Công ty áp dụng nguyên tắc bình quân gia quyền để đánh giá hàng tồn kho.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho Kiểm kê định kỳ
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư

-Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại quyết định 206/2003/QĐ/BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính

-Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
-Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
-Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
-Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
-Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
-Tài sản cố định vô hình	50 năm
-Tài sản thuê tài chính	06 - 08 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay
- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác.

-Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì ược ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Chi phí thành lập
- Chi phí hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- 12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.
- 13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
- 14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.
- 15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính : VND

01 - TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối quý II	Số đầu năm
- Tiền mặt	177,832,846	
- Tiền gửi ngân hàng	1,810,943,267	
- Tiền đang chuyển		
Cộng	1,988,776,113	
Ghi chú : -Số dư tiền mặt tại quý khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 30/06/2010. -Số dư cuối kỳ của tiền gửi tại các ngân hàng khớp với sổ phụ ngân hàng ngày 30/06/2010.		
02 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	Số cuối quý II	Số đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng		
03 - CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối quý II	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng	36,970,763,464	
- Trả trước cho người bán	59,030,073	
- Các khoản phải thu khác	273,197,069	
+ Cty Cho Thuê tài chính Quốc tế VILC	161,895,254	
+ Cty Cho thuê Tài chính CILC	15,666,660	
+ Phải thu khác (nợ TK 338)	6,873,815	
+ Thuế TNCN bị truy thu	88,761,340	
+ Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ		
- Dự phòng phải thu khó đòi	-1,991,722,461	
Cộng	35,311,268,145	
04 - Hàng tồn kho	Số cuối quý II	Số đầu năm
+ Giá gốc hàng tồn kho	5,882,928,483	
- Hàng mua đi đường		
- Nguyên liệu ,vật liệu tồn kho	2,263,009,763	
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí SX, KD dở dang (*)	3,619,918,720	
- Thành phẩm		
- Hàng hóa		
+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	5,882,928,483	

-Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ khớp với biên bản kiểm kê kho tại ngày 30/06/2010

-(*) : Giá trị trên chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (đầu kỳ và cuối kỳ) là số lượng bê tông đã xuất cho khách hàng vào thời điểm kết thúc 30/06/2010 nhưng chưa được khách hàng xác nhận và hồ sơ liên quan để phát hành hóa đơn, đơn vị treo lại khoản chi phí này để khi có xác nhận của khách hàng mua bê tông, đơn vị sẽ xuất hóa đơn để ghi nhận doanh thu và kết chuyển vào giá vốn. Giá trị này thực chất không phải là chi phí SXKD dở dang cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Trong số dư chi phí SXKD dở dang cuối kỳ có 534.504.117 đồng là khoản chi phí lắp đặt trạm trộn bê tông 30 m3/h cho Cty Cổ Phần Đầu tư & XD Công Nghệ 10 theo hợp đồng kinh tế số 101-06/HĐKT ngày 25/09/2006. Chi phí này đến 30/06/2010 vẫn chưa quyết toán xong với khách hàng

05 -CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN	Số cuối quý II	Số đầu nă
-Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ	98,966,106	
-Chi phí sửa chữa tài sản	1,821,498,616	
-Chi phí khác	295,699,081	
Cộng	2,216,163,803	
06 -TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối quý II	Số đầu nă
-Các khoản tạm ứng cá nhân	1,795,130,947	
Cộng	1,795,130,947	
07 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối quý II	Số đầu nă
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
- Thuế GTGT được khấu trừ		
- Các khoản khác phải nộp Nhà nước		
Cộng	0	
08 - Tăng , giảm tài sản cố định hữu hình		

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	4,438,855,154	6,083,354,027	12,034,097,949	169,365,703	#####
Số dư đầu năm	4,438,855,154	5,782,354,027	12,034,097,949	169,365,703	192,393,337
-Mua trong năm		301,000,000			
-Đầu tư XD CB hoàn thành					
-Tăng khác					
-Chuyển sang BĐS đầu tư					
-Thanh lý, nhượng bán					
-Giảm khác					
Số dư cuối năm	4,438,855,154	6,083,354,027	12,034,097,949	169,365,703	192,393,337
Giá trị hao mòn lũy kế	1,657,197,490	2,439,332,604	5,219,106,394	132,248,467	48,098,310
Số dư đầu năm	1,548,485,767	2,259,395,994	4,843,040,872	127,478,697	43,288,479
-Khấu hao trong năm	108,711,723	179,936,610	376,065,522	4,769,770	4,809,831
-Tăng khác					
-Chuyển sang BĐS đầu tư					
-Thanh lý, nhượng bán					
-Giảm khác					
Số dư cuối năm					
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	2,781,657,664	3,644,021,423	6,814,991,555	37,117,236	144,295,027
-Tại ngày đầu năm	2,890,369,387	3,522,958,033	7,191,057,077	41,887,006	149,104,858
-Tại ngày cuối năm	2,781,657,664	3,644,021,423	6,814,991,555	37,117,236	144,295,027

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

09 - Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính	-	1,086,595,861	4,783,009,781	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Số dư đầu năm		1,086,595,861	4,783,009,781		
-Thuê tài chính trong năm					
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính					
-Tặng khác					
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính					
-Giảm khác					
Số dư cuối năm		1,086,595,861	4,783,009,781		
Giá trị hao mòn lũy kế	-	33,956,121	1,582,408,508	-	-
Số dư đầu năm			1,414,142,738		
-Khấu hao trong năm		33,956,121	168,265,770		
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính					
-Tặng khác					
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính					
-Giảm khác					
Số dư cuối năm		-			
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính	-	1,052,639,740	3,200,601,273	-	-
-Tại ngày đầu năm		1,086,595,861	3,368,867,043		
-Tại ngày cuối năm		1,052,639,740	3,200,601,273		

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm

10 - Tặng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Quyền sử dụng đất	TSCĐ hữu hình khác
Nguyên giá TSCĐ vô hình				2,605,691,260	
Số dư đầu năm				2,605,691,260	
-Mua trong năm					
-Tạo ra từ nội bộ DN					
-Tặng do hợp nhất kinh doanh					
-Tặng khác					
-Thanh lý, nhượng bán					
-Giảm khác					
Số dư cuối năm				2,605,691,260	
Giá trị hao mòn lũy kế				234,512,220	
Số dư đầu năm				221,483,763	
-Khấu hao trong năm				13,028,457	
-Tặng khác					
-Thanh lý, nhượng bán					
-Giảm khác					
Số dư cuối năm				234,512,220	
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				2,371,179,040	
-Tại ngày đầu năm				2,384,207,497	
-Tại ngày cuối năm				2,371,179,040	

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Tổng số chi phí XD CB dở dang
- Trong đó (những công trình lớn)
- + NM BTHHBR-VT số 1

Số cuối quý II

Số đầu năm

12 Tặng, giảm bất động sản đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư
Nguyên giá BĐS đầu tư				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư				
-Quyền sử dụng đất				
-Nhà				
-Nhà và quyền sử dụng đất				
-Cơ sở hạ tầng				

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

13 - Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối quý II</u>		<u>Số đầu năm</u>
	Số lượng	Giá trị	Số lượng
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP XD & KD Địa ốc Tân Kỳ	10,000	100,000,000	110,000
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP ĐT & PT Hồng Hà	6,296,850	6,296,850,000	6,296,850
- Đầu tư CP Công ty CP Hồng Hà Ba Rịa - Vũng Tàu	63,000	630,000,000	70,000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư		7,026,850,000	
Chênh lệch giữa mệnh giá mua-mệnh giá gốc			
Cty CP XD & KD Địa ốc Tân Kỳ	10,000	90,900,000	110,000
Cộng		7,117,750,000	

-Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư dài hạn vào Cty CP XD & KD Địa ốc Tân kỳ do trong kỳ Công ty có bán 100.000 Cổ phiếu tương đương giá trị là : 1.000.000.000 đồng

-Khoản tiền chênh lệch giữa giá mua - mệnh giá gốc các lần Cty mua cổ phần Cty CP XD&Kinh Doanh Địa ốc Tân Kỳ. Đầu kỳ 110.000 cổ phiếu tương đương giá trị là : 1.000.000.0000 đ . Cuối kỳ còn 10.000 cổ phiếu tương giá trị là : 90.900.000 đồng.

-Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Cty CP Hồng Hà Bà Rịa - Vũng Tàu là trong kỳ điều chỉnh giảm 10% vốn điều lệ. Cty nhận được 7000 CP tương đương giá trị là : 70.000.000 đồng

14 - TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<u>Số cuối quý II</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký quỹ thuê tài chính - Cty cho thuê tài chính Quốc tế VN (VILC)	423,289,945	
- Đặt cọc mua xe trộn bê tông & xe bơm ngang Cty Cho thuê tài chính (CILC)	187,626,715	
-Đặt cọc thuê mặt bằng NMBTHHLA số 2	72,000,000	
Cộng	682,916,660	

15 - VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối quý II</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn	21,603,798,013	11,111,111,111
+Vay ngắn hạn NH ĐT & PT - CN TP. HCM	19,926,406,893	11,111,111,111
+Vay ngắn hạn TMCP Xăng Dầu Petrolimex	1,427,391,120	11,111,111,111

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

+Vay ngắn hạn của các cá nhân	250,000,000	
* Nguyễn Trần Long	250,000,000	
- Nợ dài hạn đến hạn trả	1,462,045,918	
+Ngân hàng ĐT & PT - CN TP. HCM	861,766,870	
+Ngân hàng ANZ	32,703,732	
+Công ty cho thuê tài chính Quốc tế VN (VILC)	398,003,892	
+Công ty cho thuê tài chính Quốc tế CILC	169,571,424	
-Phải trả người bán	13,400,235,773	14
-Người mua trả trước	1,456,032,362	1
-Phải trả tiền lương người lao động	295,659,050	
Cộng	38,217,771,116	30

Ghi chú :

-Số dư các khoản vay ngân hàng khớp với xác nhận của ngân hàng tại ngày 30/06/2010

-Số dư khoản vay các cá nhân khớp với biên bản xác nhận vốn vay tại ngày 30/06/2010

-Số dư phải trả người bán khớp với biên bản xác nhận công nợ tại ngày 30/06/2010

16 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	Số cuối quý II	Số đầu nă
- Thuế giá trị gia tăng		0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	90,938,579	
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác	100,403,266	
-Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	191,341,845	
17 - CHI PHÍ PHẢI TRẢ	Số cuối quý II	Số đầu nă
-Chi phí lãi vay vốn cố định		
-Chi phí thuê bơm bê tông		
-Chi phí thí nghiệm mẫu		
-Chi phí phải trả khác		
Cộng	0	
18 - CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC	Số cuối quý II	Số đầu nă
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn	326,140,739	
- Bảo hiểm xã hội	170,454,468	
- Bảo hiểm y tế	28,229,833	
- Bảo hiểm thất nghiệp	12,155,237	
- Phải trả cổ tức (cổ đông)	64,600,000	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	174,000,000	
- Thuế TNCN 2008 phải trả CNV theo QT thuế		
-Thuế TNCN được miễn phải trả người môi giới		
Cộng	775,580,277	
19 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	Số cuối quý II	Số đầu nă
a - Vay dài hạn	537,616,641	
+Vay dài hạn ngân hàng ĐT & PT - CN TP. HCM	532,005,012	
+Vay dài hạn ngân hàng ANZ	5,611,629	
- Trái phiếu phát hành		
b - Nợ dài hạn	2,344,525,859	

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

+Thuê tài chính - Cty Cho thuê Tài chính VILC 1,843,097,283

+Thuê tài chính - Cty cho thuê tài chính CILC 501,428,576

Cộng**2,882,142,500****c - Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Năm nay (Quý II/2010)			Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê
Từ 01 năm trở xuống					
Trên 1 năm đến 5 năm	379,316,480	99,320,489	279,995,991	1,148,622,792	347,793,418
Trên 5 năm					

20 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Số cuối quý IISố đầu n

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng

- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

b - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số cuối quý IISố đầu n

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế

- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

21 - Vốn chủ sở hữu

a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (LN chưa PP)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	NV đầu tư XDCVB
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	27,482,700,000		3,083,930,179		1,608,088,304	924,662,233	
-Tăng vốn trong năm trước					419,674,482	209,837,241	
-Lãi trong năm trước					91,915,951	45,957,976	
-Tăng khác							
-Giảm vốn trong năm trước							
-Lỗ trong năm trước							
-Giảm khác							

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

Số dư cuối năm trước số dư đầu năm nay	27,482,700,000	3,083,930,179	2,119,678,737	1,180,457,450
-Tăng vốn trong năm nay		1,773,423,616		
-Lãi trong năm nay		689,369,635		
-Tăng khác				
-Giảm vốn trong năm nay		2,748,270,000		
-Lỗ trong năm nay				
-Giảm khác				
Số dư cuối năm nay	27,482,700,000	2,798,873,846	2,119,678,737	1,180,457,450

b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của Nhà nước

- Vốn góp của các cổ đông

(Bao gồm các cổ đông sáng lập và các cổ đông khác)

Số cuối quý II

Số đầu n

27,482,700,000

2

Cộng

27,482,700,000

2'

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Số cuối quý II

Số đầu n

27,482,700,000

2'

27,482,700,000

2

d - Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

đ - Cổ phiếu

Số cuối quý II

Số đầu n

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

2,748,270

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

2,748,270

+ Cổ phiếu phổ thông

2,748,270

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

2,748,270

+ Cổ phiếu phổ thông

2,748,270

+ Cổ phiếu ưu đãi

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành*

(10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng/cổ phiếu)

e - Các quỹ của doanh nghiệp

Số cuối quý II

Số đầu n

- Quỹ đầu tư phát triển

2,119,678,737

2

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Quỹ dự phòng tài chính	1,180,457,450	1
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-405,029,418	
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp		

VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính : VND

	<u>Năm nay (30/06/2010)</u>	<u>Năm t</u>
22 - TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 01)	24,121,953,770	2
Trong đó		
- Doanh thu bán hàng	24,121,953,770	2
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đối với DN có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
Cộng	24,121,953,770	2
23 - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (Mã số 02)	<u>Năm nay (30/06/2010)</u>	<u>Năm t</u>
Trong đó		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
24 - DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 10)	<u>Năm nay (30/06/2010)</u>	<u>Năm t</u>
Trong đó		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	24,121,953,770	2
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		
Cộng	24,121,953,770	2
25 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN (Mã số 11)	<u>Năm nay (30/06/2010)</u>	<u>Năm t</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	24,683,185,822	2
Cộng	24,683,185,822	2
26 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (Mã số 21)	<u>Năm nay (30/06/2010)</u>	<u>Năm t</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9,808,724	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Chiết khấu thanh toán được hưởng	280,391,100	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,306,700,000	
Cộng	2,596,899,824	2
27 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH (Mã số 22)	<u>Năm nay (30/06/2010)</u>	<u>Năm t</u>
- Chi phí lãi vay vốn cố định (vay dài hạn NH)	62,229,595	
- Chi phí lãi vay vốn lưu động (vay ngắn hạn NH)	632,267,901	
- Chi phí lãi thuê tài chính	99,320,489	
- Chi phí lãi vay cá nhân và các đối tượng khác	26,763,422	

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Chi phí tài chính khác		
Cộng		820,581,407
28 - CHI PHÍ THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ (Mã số 51)	Năm nay (30/06/2010)	Năm t
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		133,969,719
-Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
-Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành		133,969,719
-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		13,015,104
-Chi phí thuế TNDN hoãn lại (Mã số 52)		
-Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		120,954,615
Ghi chú :		
-Thu nhập chịu thuế của nhà máy 1, nhà máy 2, nhà máy 3 được xác định theo tỷ lệ doanh thu của từng nhà máy trên tổng doanh thu.		
-Thuế suất thuế TNDN của nhà máy 1 là 15%, nhà máy 2 và nhà máy 3 là 25%		
-Công ty đang trong giai đoạn được giảm 50% thuế TNDN.		
29 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN QUÝ 1+2 NĂM 2010	Năm nay (30/06/2010)	
-Lợi nhuận năm 2009 còn lại chưa phân phối		4,857,353,795
-Lợi nhuận quý 1+2 năm 2010		1,098,457,593
-Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế		179,298,080
+Chi nộp phạt vi phạm giao thông		4,703,896
+Thù lao HĐQT+BKS		105,000,000
+Chi phí khác		69,594,184
+Trích lập các quỹ		229,789,878
-Quỹ dự phòng tài chính 5%		45,957,976
-Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10%		91,915,951
-Quỹ đầu tư phát triển 10%		91,915,951
-Tạm ứng đợt 2 cổ tức 2009		2,748,270,000
-Lợi nhuận còn lại đến 30/06/2010		2,798,453,430
30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Năm nay (30/06/2010)	Năm t
-Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		120,954,615
-Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		2,748,270
-Lãi cơ bản trên cổ phiếu		44
31 - Chi phí sản xuất , kinh doanh theo yếu tố	Năm nay (30/06/2010)	Năm t
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		20,828,013,151
- Chi phí nhân công		1,063,114,522
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		889,543,804
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		1,137,380,245
- Chi phí khác bằng tiền		1,997,843,052
Cộng		25,915,894,774

VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

32 Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc 30/06/2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành ngày 24/07/2010.

Lập ngày 24 tháng 07 năm 20.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc